

Số: 10/2021/QĐST-DS

YL, ngày 14 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 318,319,320,321,322,323,357,463,466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết T bộ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết T bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. 1 Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N (N Bank).

Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 2 C, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng thương mại cổ phần N (Công ty A) (Theo Giấy ủy quyền số 427B/2020/UQQT-NHNA ngày 25/8/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N cho Công ty A)

Địa chỉ liên hệ: Số 3 K, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông Hoàng Trọng T. Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty kiêm giám đốc chi nhánh TP.Hồ Chí Minh - Công ty A.

(Theo giấy ủy quyền số 209D/2020/UQ-A ngày 25/8/2020 của Chủ tịch Công ty A).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Kim H.

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng thương mại cổ phần N.

(Theo giấy ủy quyền số 383/2020/UQ-A ngày 09/11/2020 của Công ty A - N Bank).

Địa chỉ liên lạc: 4 Đại lộ H, phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

1.2. *Đồng bị đơn:* Ông Hà Văn T, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Cùng trú tại khu Đ, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Hà Văn T và bà Phạm Thị T1 trả cho Ngân hàng TMCP N (N Bank) số tiền là: 442.145.975 đồng (*Bốn trăm bốn mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng*) (Bao gồm tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tính đến ngày 07/6/2021) khi có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Kể từ ngày 08/6/2021 trở đi, ông Hà Văn T và bà Phạm Thị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số 0628/2018/808-CV ngày 18/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trong trường hợp ông Hà Văn T và bà Phạm Thị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0300/2018/808-BĐ, số công chứng 2795/2018/HĐTC, quyển số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng K, tỉnh Phú Thọ chứng nhận ngày 18/12/2018:

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 04, diện tích 344m²; Địa chỉ thửa đất: Khu Đ, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK 535317, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số H 01599 do UBND huyện YL cấp ngày 22/08/2007 đứng tên Hà Văn T và bà Phạm Thị T1.

Giá trị tài sản thế chấp 502.000.000 đồng (Năm trăm linh hai triệu đồng).

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp, bảo đảm để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên tài sản thế chấp phải có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp, bảo đảm của ông Hà Văn T và bà Phạm Thị T1 không đủ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N (N Bank) có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hà Văn T và bà Phạm Thị T1 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp, bảo đảm có giá trị lớn hơn số tiền ông Hà Văn T và bà Phạm Thị T1 còn nợ đối với Ngân hàng TMCP N (N Bank) thì số tiền còn lại sau khi thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi được trả cho bên ông Hà Văn T và bà Phạm Thị T1.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Hà Văn T và bà Phạm Thị T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP N (N Bank) số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

5. Về án phí: Ông Hà Văn T và bà Phạm Thị T1 tự nguyện cùng phải chịu 10.843.000 đồng (Mười triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP N (Do ông Nguyễn Kim H nộp thay) số tiền 10.120.000 đồng (Mười triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004396 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Tuấn Anh